

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:130/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Hiến

2. Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nhiên-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST – HNGĐ ngày 11/01/2021 về tranh chấp: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị TTT, sinh năm 1983; HKTT: Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Lương Khánh Thiện, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh HNA, sinh năm 1976; HKTT: Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị TTT trình bày:* Chị kết hôn với anh HNA trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2009 tại UBND thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và dạy dỗ con cái. Năm 2018 thì chị TTT bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và đón các con đi cùng và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ gì.

Nay chị xác định không còn tình cảm với chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu HTL, sinh ngày 08/6/2010 và cháu HTH, sinh ngày 03/6/2012. Hiện nay, cả 02 cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi 02 cháu. Không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh HNA trình bày:* Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản anh nhất trí với phần trình bày của chị TTT.

Về quan hệ vợ chồng: Năm 2016 chị TTT lấy lý do cơ quan chuyển địa điểm nên cùng với các con chuyển về bố mẹ đẻ trong thành phố sinh sống, anh HNA vẫn đi lại thăm hỏi vợ con. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung anh xin nuôi cháu HTL không yêu cầu cấp dưỡng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị TTT được ly hôn anh HNA; về con chung: Giao 02 cháu cho chị TTT nuôi dưỡng; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm nuôi dạy con chung, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Năm 2018 vợ chồng đã cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, sinh lý và ly thân nhau từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị TTT với anh HNA là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng:

Xét thấy chị TTT nuôi dưỡng hai cháu ổn định nhiều năm, bảo đảm việc dạy dỗ, học tập, nuôi dưỡng; đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên giao cho chị nuôi hai cháu để các cháu ổn định phát triển tâm sinh lý và học

tập là có căn cứ. Chị TTT không yêu cầu anh HNA cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh HNA.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị TTT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị TTT được ly hôn với anh HNA.

2. Về con chung: Giao cháu HTL, sinh ngày 08/6/2010 và cháu HTH, sinh ngày 03/6/2012 cho chị TTT nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh HNA cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh HNA có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị TTT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0005748 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

**Trần Hồng Quang**